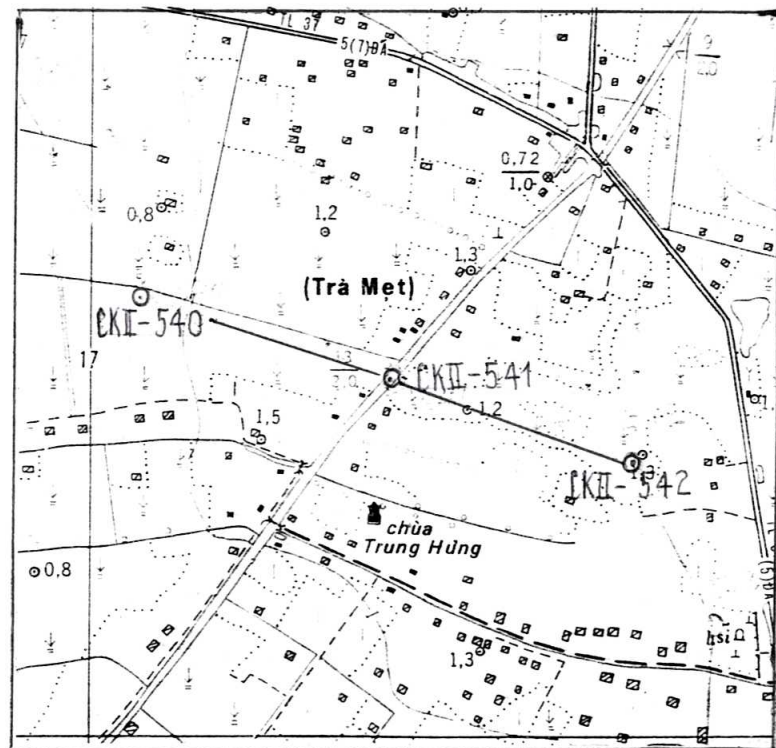


# GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: CKII-541 Mảnh bản đồ: C-48-81-A-a-5  
 Phương pháp đo: Đường chuyên \_\_\_\_\_ Cấp hạng: Đ II  
 Trị giá khái lược \_\_\_\_\_ Độ cao: 10 m Kinh độ: 106° 04' 4" Vĩ độ: 9° 56' 3"  
 Loại đất: Đất công \_\_\_\_\_ Chất đất: đất thịt  
 Nơi đặt mốc: Thôn (bản làng): Trà Met Xã (thị trấn, phường): Thống Hòa  
 Huyện (Quận): Cầu Kè Tỉnh (Thành phố): Trà Vinh  
 Nơi ở gần nhất: Nhà bà Nguyễn Thị Dũ Khoảng cách tới điểm: 30 m km  
 Người chọn: Nguyễn Đức Khỏe Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính và Công trình  
 Ngày 10 tháng 3 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Điểm thông hướng:

B (Tên, số hiệu, cấp hạng điểm liên quan mà từ mặt đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm:

CKII-540  
CKII-542

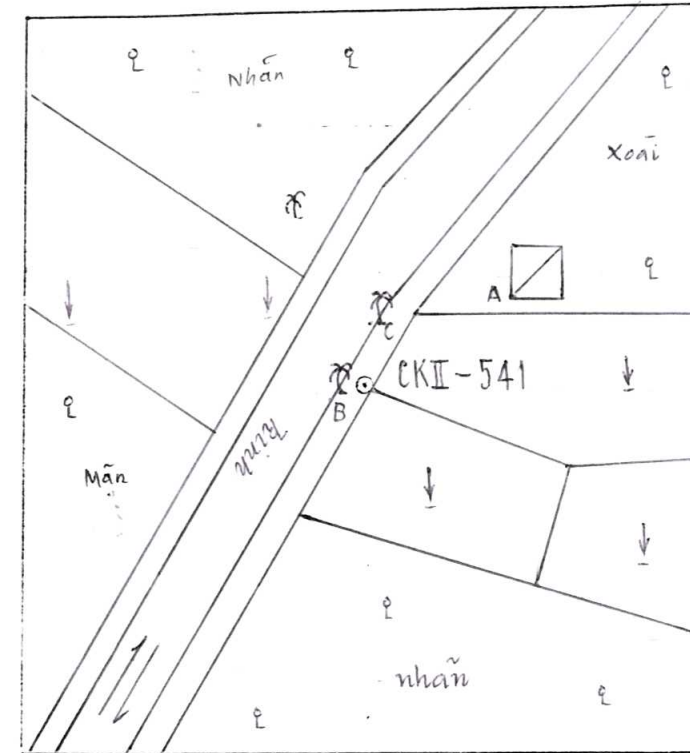
Họ, tên, địa chỉ người dân đương:

Nguyễn Thị Dũ  
 Ấp: Trà Met  
 Xã: Thống Hòa  
 Huyện: Cầu Kè  
 Tỉnh: Trà Vinh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ van đến điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Dây nỉ				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1/1000

Đơn vị chôn mốc, làm tường vôi: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính và Công trình

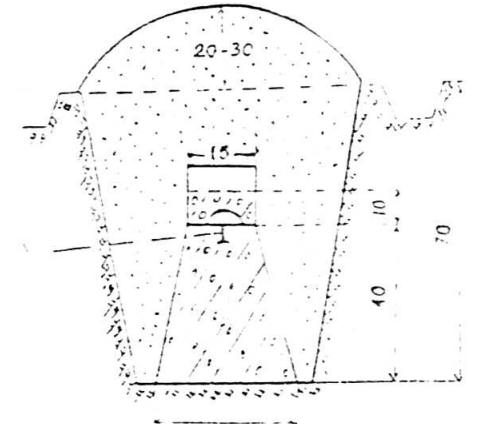
Người chôn mốc:

Nguyễn Đức Khỏe

Loại mốc: Chôn 1 tầng

Ngày 14 tháng 3 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vôi (đơn vị cm)



Vịc	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn m
Δ	Góc nhà Ng. Thị Dũ	Đông Bắc 22.5
≡	Góc chùa	Tây nam 3.0
○	Góc chùa	Đông Bắc 8.5

Điểm này: Tân dụng mốc cũ, gia cố, chôn trung tâm

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: \_\_\_\_\_ Cấp hạng: \_\_\_\_\_

Điểm này đo nối đo cao bằng: \_\_\_\_\_ Cấp hạng: \_\_\_\_\_

Dương đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM):

Từ bến xe huyện Cầu Kè theo quốc lộ 54 đi hơn 40 km hướng Thống Hòa khoảng 9.0 km xuống xe rồi rẽ trái đi bộ theo bờ kinh Thới Hộ khoảng 30m tới điểm (mốc chôn tại ngã ba bờ ruộng)

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm:

Ngày 14 tháng 3 năm 2000

Ngày 10 tháng 5 năm 2000

Người làm ghi chú điểm:

Người kiểm tra

Nguyễn Đức Khỏe

Hà Văn Hy



## HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước cấp "0", hạng I, II, III (có số), IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng. Chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cân thân, đảm nét để đảm bảo khi photocopy được bản rõ nét.

1. Tên điểm: Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng (ở vùng dân tộc ít người ghi phiên âm trong ngoặc đơn). Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu, cấp hạng điểm: Theo quy định trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật (LCKT - KT) và thực tế thi công.

3. Màn hình bản đồ số: Là phiên hiệu màn hình bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp "0", hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.

4. Phương pháp đo: Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ: Công nghệ GPS, đường chuyền ... và thực tế thi công.

5. Giá trị khấp lều: Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến mét, kinh, vĩ độ đến 0.1".

6. Loại đất: Đất công hay tư (tư nhân sử dụng), chất đất theo thực tế. Nếu gắn trên vật kiến trúc, trên an thì ghi rõ gắn trên (hầm nước, nhà mái bằng, nền đá, ... - tên riêng, tên chủ nhà).

7. Nơi lát mốc: Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên bề mặt lòng đường phải ghi tên đường, phố.

8. Nơi gắn chốt: Là tên thôn/bản, làng, hoặc nhà ở nếu điểm đặt ở trong khu dân cư (gần nhà). Khoảng cách tới điểm gần nhất từ nơi gắn chốt và lấy đến 1 km, 0.1 km hoặc tới chước mét tùy theo điểm ở xa, gần cụ thể.

9. Người chọn, đặt vị chọn: Là tên người, đơn vị thực tế đã chọn điểm.

10. Điểm thông hướng: Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.

11. Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng: Đất và dân bản đồ địa hình hoặc bản photocopy bản đồ địa hình, bản đồ khu vực tỉ lệ 1 : 10 000 - 1 : 50 000, mỗi cạnh 10 x 10 cm. Lấy vị trí điểm đặt trung tâm. Lấy vị trí cấp "0", hạng I, II, III, IV Nhà nước vẽ bằng ký hiệu tam giác ▲, điểm địa chính I, hạng ký hiệu chữ thập +. Cảnh tam giác, đường kính vòng tròn là 4 mm và tô đặc. Số hiệu điểm ghi vào góc thuận (tên địa chủ của chủ, số là 2.5 mm). Hướng đến điểm thông hướng vẽ mũi tên đến vị trí điểm đặt nếu điểm ở trong khung hoặc vẽ đến cạnh khung nếu điểm ở ngoài khung. Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo chiều mũi tên, cao 2.5 mm. Sơ đồ hướng: Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.

12. Người dẫn đường: Là người có hồ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

13. Sơ lược đo mốc: Chỉ có khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai dấu mốc. Số liệu lấy từ số đo mốc. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có mục này. Các điểm gắn trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

14. Sơ đồ vị trí điểm (10 x 9 cm) và vật chuẩn: Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nằm trong khung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đặc, có chạm ở tâm ký hiệu.

15. Người, đơn vị chôn mốc, làm tường vây: Mục nào không làm gạch ngang để bỏ.

16. Loại mốc: Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gắn trên nền đá, nền đá 2 tầng, mốc gắn trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bề thiên văn (nếu trùng vào bề thiên văn).

17. Hình vẽ mặt cắt: Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tường vây mới.

18. Điểm này: Tân dụng mốc cũ, gia cố, chốt ... Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới không gạch bỏ và không điền viết mục này.

19. Điểm này có nối đo bằng: Công nghệ GPS, đo ... đo các hướng mặt ... Cấp, hạng: Ghi ... hướng dương hạng IV, hạng IV...

20. Đường đi tới điểm: Ghi rõ đi từ địa điểm cụ thể nào ... trước tiên gì. Nếu đi bỏ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phòng chừng quãng đường.

21. Cơ quan gia cố mốc, tường vây, lập ghi chú điểm: Nếu ... làm mới thì không ghi mục này. Nếu làm bổ sung thì gạch ngang để bỏ phần việc không làm.

22. Người làm ghi chú điểm, người kiểm tra: Ghi rõ họ tên.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Thống nhất

## GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM : \_\_\_\_\_

SỐ HIỆU : CKII - 541

CẤP, HẠNG : ĐC II

NĂM 2000